

STT	MA SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/21-22	Tổng phải nộp	Chưa nộp
1	18028003	Lê Kim Thu	-2,925,000	14,625,000	11,700,000	11,700,000
2	17028023	Đình Văn Nam	13,831,250	0	13,831,250	13,831,250
3	20028004	Võ Văn Hoàng	-250	14,625,000	14,624,750	14,624,750
4	17028006	Trần Văn Mạnh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
5	17028007	Nguyễn Thị Thùy Liên	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
6	17028008	Bùi Thị Hà	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
7	17028010	Vũ Xuân Mạnh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
8	17028013	Nguyễn Đình Dư	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
9	17028015	Phạm Minh Phúc	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
10	17028018	Phan Hải	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
11	17028020	Hồ Anh Tâm	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
12	17028021	Nguyễn Thị Khánh Vân	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
13	18028001	Nguyễn Minh Hải	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
14	18028004	Phạm Hữu Tùng	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
15	19028001	Vương Thị Hải Yến	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
16	19028006	Lê Việt Hà	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
17	19028007	Nguyễn Đức Anh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
18	19028008	Nguyễn Quang Trung	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
19	19028009	Đào Mạnh Hiệp	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
20	19028010	Mai Thị Ngọc ánh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
21	20028002	Nguyễn Thị Thùy Anh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
22	20028006	Nguyễn Khánh Tùng	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
23	20028007	Nguyễn Bá Xuân Bằng	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
24	20028009	Nguyễn Minh Hòa	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
25	20028010	Vũ Đình Phái	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
26	20028011	Nguyễn Minh Thuận	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
27	20028012	Ninh Thị Thanh Tâm	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
28	20028014	Quách Công Hoàng	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
29	20028015	Dương Ngọc Sơn	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
30	20028016	Nguyễn Đăng Cơ	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000
31	20028017	Vũ Ngọc Linh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000